

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU⁽¹⁾
(Ngày 10 tháng 03 năm 2021)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **ÁU THỊ LỆ TRANG** Ngày tháng năm sinh: **06/10/1982**

- Chức vụ/chức danh công tác: **Phó hiệu trưởng**

- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường mầm non Hoa Thủy Tiên, Quận Long Biên**

- Nơi thường trú: **Thôn Đình Vỹ - Xã Yên Thường – Huyện Gia Lâm – Thành phố Hà Nội**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **001182003772;**

Ngày cấp **11/09/2014**; Nơi cấp: **Công an thành phố Hà Nội**

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN ĐỨC LỄ** Ngày tháng năm sinh: **20/08/1975**

- Nghề nghiệp: **Công an**

- Nơi làm việc⁽⁴⁾: **Công an huyện Gia Lâm**

- Nơi thường trú: **Thôn Đình Vỹ - Xã Yên Thường – Huyện Gia Lâm – Thành phố Hà Nội**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **001075011959;**

Ngày cấp **11/10/2016**; Nơi cấp: **Công an thành phố Hà Nội**

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **NGUYỄN ĐỨC VĨNH KHANG** Ngày tháng năm sinh: **28/01/2008**

- Nơi thường trú: **Thôn Đình Vỹ - Xã Yên Thường – Huyện Gia Lâm – Thành phố Hà Nội**

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:



1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: **Thôn Đình Vỹ - Xã Yên Thường – Huyện Gia Lâm – Thành phố Hà Nội**

- Diện tích⁽⁹⁾: **260m²**

- Giá trị⁽¹⁰⁾: **Không xác định được giá trị do được bố mẹ cho tặng từ năm 2018 và không có giao dịch tài sản**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: **CS-GL 10005 - Người đứng tên: Nguyễn Đức Lễ**

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): **Không**

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: **Không**

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: **Thôn Đình Vỹ - Xã Yên Thường – Huyện Gia Lâm – Thành phố Hà Nội**

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: **Nhà ở riêng lẻ**

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: **175m² (70m² x 2,5 tầng)**

- Giá trị⁽¹⁰⁾: **Không xác định được giá trị do bố mẹ xây dựng từ năm 2008**

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): **Không**

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: **Không**

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: **Không**

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: **Không**

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: **Không**

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không**

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. **Không**



5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾. **Không**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không**

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: *ô tô Toyota yaris Số đăng ký: 30A-261.79 Giá trị: 250.000.000 đ (hai trăm năm mươi triệu đồng)*

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: **Không**

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾. **Không**

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: **Không**

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai:/.....

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):/.....

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:/.....

- Tổng các khoản thu nhập chung:/.....

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			

<p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>			
--	--	--	--

..... ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Long Biên, ngày 10 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN



Âu Thị Lệ Trang

